

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THÁNG 8 NĂM 2026

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
1	141800172	Lý Đại	Lộc	Nam	12/06/2000	Tp. Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	18DTH1	127	2.64	Khá
2	141800538	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	17/09/2000	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	18DTH2	128	2.89	Khá
3	141801362	Vương Minh	Hòa	Nam	19/04/2000	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	18DTH3	127	2.56	Khá
4	151900282	Võ Bá	Đạt	Nam	21/09/2001	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	19DTH1	129	2.63	Khá
5	151900299	Đào Văn	Sơn	Nam	09/12/2001	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Kinh	Công nghệ thông tin	19DTH1	127	3.27	Giỏi
6	151900561	Nguyễn Gia	Huy	Nam	14/07/2001	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	19DTH2	127	2.90	Khá
7	151900560	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	18/07/1999	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	19DTH2	127	2.77	Khá
8	151900697	Trần Đình Quang	Khải	Nam	15/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	19DTH3	127	3.03	Khá
9	151901620	Nguyễn Duy	Hưng	Nam	09/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	19DTH5	128	3.05	Khá
10	151901625	Phạm Duy	Khánh	Nam	05/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	19DTH5	130	3.14	Khá
11	151901639	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	14/04/2001	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	19DTH5	127	2.72	Khá
12	162000129	Nguyễn Tuấn	Đức	Nam	06/11/1999	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH1	152	2.89	Khá
13	162000223	Chu Nguyễn Tiến	Thành	Nam	18/10/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH1	152	2.54	Khá
14	162000649	Phan Thiện	Quý	Nam	02/10/2001	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH2	156	3.00	Khá
15	162000947	Trần Thành	Đạt	Nam	16/01/2001	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH3	152	3.11	Khá
16	162000805	Đình Thanh	Hào	Nam	27/07/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH3	154	2.98	Khá
17	162000752	Mai Trung	Kiên	Nam	08/01/2002	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH3	156	3.19	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
18	162001121	Trịnh Thiên	Ân	Nam	06/04/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH4	156	2.74	Khá
19	162001381	Võ Nguyễn Ngọc	Hợp	Nam	01/02/2002	Phủ Yên (Đến ngày 01-07-2025)	DakLak	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH4	154	2.84	Khá
20	162001052	Trần Minh	Nhật	Nam	08/12/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH4	152	2.69	Khá
21	162001572	Đoàn Hoàng Quốc	Cường	Nam	29/11/2002	Nam Định (Đến ngày 01-07-2025)	Ninh Bình	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH5	156	3.20	Giỏi
22	162001474	Phạm Gia	Huy	Nam	07/07/2002	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	20DTH5	156	3.26	Giỏi
23	172100121	Nguyễn Thế	An	Nam	02/11/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	2.99	Khá
24	172100123	Nguyễn Trọng	An	Nam	25/11/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	3.53	Giỏi
25	172100264	Ngô Đăng	Duy	Nam	29/11/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	3.14	Khá
26	172100094	Lê Đức	Dương	Nam	14/08/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	3.16	Khá
27	172100201	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	30/04/2003	Gia Lai	Gia Lai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	2.87	Khá
28	172100041	Hoàng Hữu	Điền	Nam	12/07/2003	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	3.31	Giỏi
29	172100158	Dương Huỳnh Quốc	Huy	Nam	26/08/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	3.37	Giỏi
30	172100048	Nguyễn Phạm Anh	Khoa	Nam	06/08/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	3.35	Giỏi
31	172100118	Vương Ngọc	Minh	Nam	17/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	3.04	Khá
32	172100078	Đặng Đức	Phi	Nam	17/04/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	2.74	Khá
33	172100257	Lương Thanh	Phong	Nam	22/08/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	3.66	Xuất sắc

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
34	172100025	Trần Phạm Hữu	Phúc	Nam	26/11/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	2.80	Khá
35	172100187	Lê Anh	Quân	Nam	28/03/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	3.39	Giỏi
36	172100280	Nguyễn Hoàng	Quân	Nam	13/11/2003	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	3.14	Khá
37	1721020826	Nguyễn Thanh	Vũ	Nam	03/05/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH1	152	2.70	Khá
38	172100338	Cao Quốc	Anh	Nam	07/10/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	2.54	Khá
39	1721030545	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh	Nam	16/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.03	Khá
40	1721030439	Trần Thanh	Bình	Nam	19/08/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.10	Khá
41	172100358	Đoàn Vũ Bình	Dương	Nam	30/12/2003	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	155	3.16	Khá
42	1721030572	Đỗ Trương Phát	Đạt	Nam	28/01/2003	Đồng Tháp (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Tháp	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.32	Giỏi
43	1721030403	Lê Khả	Hiếu	Nam	03/04/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.29	Giỏi
44	1721030566	Lê Nguyễn	Hoàng	Nam	18/09/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.44	Giỏi
45	1721030547	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	22/08/2003	Tuyên Quang (Đến ngày 01-07-2025)	Tuyên Quang	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.14	Khá
46	1721030453	Nguyễn Vũ Thành	Long	Nam	08/09/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.16	Khá
47	1721030500	Trần Mai Đức	Lương	Nam	31/10/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	2.93	Khá
48	1721030420	Trần Văn	Mạnh	Nam	06/09/2003	Quảng Bình (Đến ngày 01-07-2025)	Quảng Trị	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.27	Giỏi
49	172100321	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	12/05/2003	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.29	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
50	1721030491	Nguyễn Thế	Nhật	Nam	03/09/2003	Nghệ An (Đến ngày 01-07-2025)	Nghệ An	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.36	Giỏi
51	172100357	Lê Quang	Phú	Nam	01/03/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.06	Khá
52	1721030496	Hà Huy	Phúc	Nam	06/05/2003	Hà Tĩnh (Đến ngày 01-07-2025)	Hà Tĩnh	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	2.85	Khá
53	172100337	Hà Duy	Phương	Nam	01/01/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.33	Giỏi
54	1721030398	Trần Minh	Quang	Nam	01/01/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	3.01	Khá
55	1721030537	Võ Hữu	Thắng	Nam	22/02/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH2	152	2.76	Khá
56	1721030867	Trần Đông	Anh	Nam	01/01/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	2.83	Khá
57	1721030773	Vũ Đình	Diệp	Nam	06/04/2003	Hải Dương (Đến ngày 01-07-2025)	Hải Phòng	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	3.44	Giỏi
58	1721030874	Hồ Tuấn	Dũng	Nam	19/10/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	3.15	Khá
59	1721030593	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	03/02/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	3.10	Khá
60	1721030799	Nguyễn Nhật	Hiếu	Nam	14/02/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	3.14	Khá
61	1721030771	Phạm Nguyễn Hải	Huy	Nam	07/06/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	2.92	Khá
62	1721030848	Lê Quốc	Kỳ	Nam	05/03/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	3.26	Giỏi
63	1721970720	Hoàng Khánh	Ninh	Nam	16/02/1997	Hà Nội (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Hà Nội	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	3.01	Khá
64	1721030862	Phạm Trọng	Nghĩa	Nam	14/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	2.98	Khá
65	1721030713	Trần Trọng	Phúc	Nam	08/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	3.10	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
66	1721030650	Đặng Đức Minh	Quang	Nam	23/09/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	3.00	Khá
67	1721030802	Nguyễn Nhật	Tiến	Nam	02/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	2.93	Khá
68	1721030758	Lý Nhân	Thăng	Nam	23/05/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Hoa	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	3.20	Giỏi
69	1721030695	Phan Trần Bảo	Vân	Nữ	02/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH3	152	3.51	Giỏi
70	1721031139	Báo Ngọc Thiên	Bảo	Nam	01/11/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Hoa	Công nghệ thông tin	21DTH4	152	3.26	Giỏi
71	1721031063	Phạm Phước	Bình	Nam	26/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	152	3.36	Giỏi
72	1721021102	Lê Sỹ	Dương	Nam	10/01/2002	Thanh Hoá (Đến ngày 01-07-2025)	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	153	2.65	Khá
73	1721031129	Trần Anh	Hào	Nam	09/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	155	3.07	Khá
74	1721031169	Bạch Phan Minh	Hiếu	Nam	29/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	152	3.36	Giỏi
75	1721031027	Uông Minh	Khải	Nam	10/01/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	152	3.46	Giỏi
76	1721031134	Đặng Minh	Khôi	Nam	12/09/2003	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	155	2.62	Khá
77	1721030882	Trần Quốc	Lâm	Nam	19/10/2003	Tiền Giang	Đồng Tháp	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	152	3.17	Khá
78	1721031099	Vũ Đình	Mạnh	Nam	28/09/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	155	3.01	Khá
79	1721030881	Thân Trọng	Phúc	Nam	08/04/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	152	3.43	Giỏi
80	1721030888	Nguyễn Vũ Trung	Thành	Nam	21/11/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	152	3.32	Giỏi
81	1721030920	Nguyễn Đức	Thiện	Nam	25/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	152	3.19	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
82	1721031055	Lê Trung	Vỹ	Nam	12/02/2003	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH4	153	3.15	Khá
83	1721031273	Nguyễn Nhật Bảo	Anh	Nam	02/06/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	3.29	Giỏi
84	1721001336	Tô Văn	Dương	Nam	05/04/2000	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	3.19	Khá
85	1721031253	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	16/07/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	3.36	Giỏi
86	1721031314	Nguyễn Đình	Hào	Nam	03/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	3.37	Giỏi
87	1721021202	Tô Chính	Hiệu	Nam	02/11/2002	Thái Bình (Đến ngày 01-07-2025)	Hưng Yên	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	3.28	Giỏi
88	1721031401	Phạm Huy	Hoàng	Nam	02/05/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	3.17	Khá
89	1721031423	Trần Quang	Huy	Nam	09/11/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	2.84	Khá
90	1721031268	Lâm Gia Ngọc	Phát	Nữ	21/10/2003	Bình Dương	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	3.15	Khá
91	1721031193	Trịnh Ngọc	Phúc	Nam	02/07/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	2.76	Khá
92	1721031470	Nguyễn Minh	Quân	Nam	29/10/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	2.94	Khá
93	1721031276	Thạch Anh	Quốc	Nam	28/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Khơ-Me	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	3.14	Khá
94	1721031236	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Nam	27/08/2003	Đồng Nai	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	3.21	Giỏi
95	1721031277	Vũ Phương	Thảo	Nữ	01/08/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	2.98	Khá
96	1721031398	Trần Đức	Thắng	Nam	10/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	3.24	Giỏi
97	1721031471	Trịnh Tiến	Trung	Nam	10/07/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	3.11	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
98	1721031394	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	02/03/2003	Bình Phước (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	152	3.39	Giỏi
99	1721031557	Nguyễn Trung	Hậu	Nam	12/04/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH6	152	3.23	Giỏi
100	1721031731	Nguyễn Đông	Hùng	Nam	15/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	HCM	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH6	152	3.47	Giỏi
101	1721031647	Phan Minh	Huy	Nam	20/09/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH6	152	3.18	Khá
102	1721031695	Đình Duy	Long	Nam	03/06/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH6	152	2.89	Khá
103	1721031513	Hoàng Đình	Long	Nam	15/03/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH6	152	3.13	Khá
104	1721031757	Mai Nguyễn Nhật	Minh	Nam	12/01/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH6	152	2.78	Khá
105	1721031512	Lê Minh	Nghĩa	Nam	26/01/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH6	152	3.35	Giỏi
106	1721031755	Tăng Mẫn	Pổ	Nam	12/07/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Hoa	Công nghệ thông tin	21DTH6	152	2.73	Khá
107	1721031594	Trần Hồng	Phúc	Nam	22/03/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH6	152	3.02	Khá
108	1721031558	Thái Minh	Tâm	Nam	25/04/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thông tin	21DTH6	152	3.37	Giỏi
109	131700029	Lê Việt	Huy	Nam	08/04/1999	Phú Yên	Đắk Lắk	Kinh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	17DHO1	128	2.50	Khá
110	141801272	Nguyễn Phạm Tiền	Phát	Nam	20/09/2000	Vĩnh Long	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	18DHO1	130	2.39	Trung bình
111	151901035	Dương Ngọc	Linh	Nam	05/08/2001	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Kinh	Công nghệ kỹ thuật môi trường	19DMT1	131	2.42	Trung bình
112	1721030575	Vũ Văn	Anh	Nữ	26/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	2.84	Khá
113	172100145	Phạm Đức	Duy	Nam	09/04/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	3.24	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
114	172100305	Nguyễn Quốc	Đại	Nam	27/05/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	2.72	Khá
115	1721031734	Lê Nguyễn Nhân	Đức	Nam	12/10/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	3.29	Giỏi
116	1721030476	Võ Văn Nhựt	Hào	Nam	25/05/2003	Đồng Tháp	Đồng Tháp	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	3.24	Giỏi
117	1721031568	Hoàng Phi	Hùng	Nam	22/01/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	2.84	Khá
118	1721030486	Vũ Thị Thanh	Hương	Nữ	06/12/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	2.96	Khá
119	1721031432	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	15/11/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	3.39	Giỏi
120	1721030553	Lê Thị Huỳnh	Như	Nữ	14/10/2003	Bến Tre (Đến ngày 01-07-2025)	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	3.57	Giỏi
121	1721031208	Nguyễn Văn	Quý	Nam	01/08/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	3.37	Giỏi
122	1721031301	Phùng Uyển	Tú	Nữ	04/06/2003	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	3.14	Khá
123	1721030397	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	Nữ	21/10/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	3.71	Xuất sắc
124	1721030605	Nguyễn Đình Vũ	Thường	Nữ	24/06/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	3.36	Giỏi
125	1721030805	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	23/10/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	3.28	Giỏi
126	1721021507	Trần Nguyễn Minh	Triết	Nam	12/09/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	2.50	Khá
127	1721031635	Trần Công	Vinh	Nam	25/08/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	2.95	Khá
128	172100059	Trần Thị Hoàng	Yến	Nữ	22/05/2003	Phú Yên (Đến ngày 01-07-2025)	Đắk Lắk	Kinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	158	2.96	Khá
129	1123830005	Nguyễn Thị Minh	Diệp	Nữ	17/12/1983	Nam Định (Đến ngày 01-07-2025)	Ninh Bình	Kinh	Công nghệ Thực phẩm	23DTP1LT1	151	3.20	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
130	1224880046	Đinh Thị Minh	Hiếu	Nữ	30/11/1988	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Kinh	Công nghệ Thực phẩm	24DTP1LT1	151	3.22	Giỏi
131	162001055	Tăng Hoàng	Mỹ	Nữ	16/11/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Điều dưỡng	20DĐD1	158	2.83	Khá
132	172100231	Đặng Văn	Hưng	Nam	31/10/2003	Nghệ An	Nghệ An	Kinh	Điều dưỡng	21DĐD1	158	2.71	Khá
133	1721030984	Võ Trúc Thanh	Thanh	Nữ	01/01/2003	Bến Tre (Đến ngày 01-07-2025)	Vĩnh Long	Kinh	Điều dưỡng	21DĐD1	158	2.72	Khá
134	1721031221	Lê Huỳnh Thanh	Trâm	Nữ	07/02/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Điều dưỡng	21DĐD1	158	2.89	Khá
135	1224890048	Trần Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	10/02/1989	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	139	3.45	Giỏi
136	1224930016	Nguyễn Thị Minh	Vân	Nữ	10/12/1993	Đắk Lắk	Đắk Lắk	Kinh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	142	3.10	Khá
137	141801020	Võ Minh	Nguyên	Nam	03/06/2000	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đắk Lắk	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	18DXN1	148	2.54	Khá
138	1822040384	Lê Hoàng	Giang	Nữ	02/05/2004	Quảng Nam	TP. Đà Nẵng	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	160	2.84	Khá
139	1822041646	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	15/03/2004	Phú Thọ (Đến ngày 01-07-2025)	Phú Thọ	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	160	3.25	Giỏi
140	1822831825	Ninh Thị Huyền	Nga	Nữ	30/08/1983	Bắc Giang (Đến ngày 01-07-2025)	Bắc Ninh	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	160	3.42	Giỏi
141	1822040753	Vũ Yến	Nhi	Nữ	17/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	160	3.18	Khá
142	1822040626	Hoàng Thị Thanh	Tâm	Nữ	20/09/2004	Ninh Bình (Đến ngày 01-07-2025)	Ninh Bình	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	160	3.02	Khá
143	1822040951	Nguyễn Bùi Tài	Thông	Nữ	25/06/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	160	3.39	Giỏi
144	1822040875	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	03/04/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	160	3.14	Khá
145	1822981826	Đoàn Thị Kim	Xuyến	Nữ	10/09/1998	Đồng Tháp	Đồng Tháp	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	160	3.50	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
146	1224910026	Phan Thị	Hiên	Nữ	14/10/1991	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT 1	140	3.45	Giỏi
147	1224890017	Phạm Bá	Lâm	Nam	05/01/1989	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT 1	140	3.21	Giỏi
148	1324981131	Vũ Hoàng	Dũng	Nam	12/09/1998	Thành phố Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT 2	138	2.96	Khá
149	1224920097	Đặng Xuân	Đức	Nam	28/06/1992	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Kinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT 2	138	2.83	Khá
150	151900170	Châu Duy	Đức	Nam	08/10/2001	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Nùng	Kế toán	19DKT1	130	2.63	Khá
151	162000440	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	14/08/2002	Sóc Trăng (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Cần Thơ	Kinh	Kế toán	20DKT1	130	2.83	Khá
152	162001106	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	20/10/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	20DKT2	130	2.58	Khá
153	1721031631	Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	10/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	21DKT3	128	2.75	Khá
154	1822030110	Mai Phạm Lan	Anh	Nữ	04/12/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	2.93	Khá
155	1822040587	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	01/02/2004	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.53	Giỏi
156	1822040022	Võ Anh	Đạt	Nam	26/07/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.24	Giỏi
157	1822040590	Hoàng Huy	Hào	Nam	12/12/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.56	Giỏi
158	1822030001	Trần Ngọc Mai	Hân	Nữ	10/10/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	2.66	Khá
159	1822040388	Đinh Thị Thu	Hòa	Nữ	19/12/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.38	Giỏi
160	1822040569	Lương Thị Bích	Linh	Nữ	09/06/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	2.98	Khá
161	1822040535	Nguyễn Hoàng Ánh	Linh	Nữ	02/11/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.11	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
162	1822040404	Trần Thị	Linh	Nữ	10/11/2004	Nghệ An	Nghệ An	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.43	Giỏi
163	1822040335	Nguyễn Phạm Quỳnh	Loan	Nữ	26/01/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	2.70	Khá
164	1822040180	Trần Nữ Mong	Nhi	Nữ	31/05/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.68	Xuất sắc
165	1822040178	Lâm Tâm	Như	Nữ	27/06/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.49	Giỏi
166	1822040165	Phương Kiều	Oanh	Nữ	22/10/2004	Hải Dương (Đến ngày 01-07-2025)	Hải Phòng	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.11	Khá
167	1822040321	Hứa Sanh	Phước	Nam	18/09/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Hoa	Kế toán	22DKT1	128	3.35	Giỏi
168	1822040528	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	27/05/2004	Phú Thọ	Phú Thọ	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	2.98	Khá
169	1822040560	Đặng Thị Diễm	Thủy	Nữ	08/03/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.38	Giỏi
170	1822040154	Vũ Ngọc Minh	Thư	Nữ	01/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.86	Xuất sắc
171	1822040381	Phạm Thị Thảo	Trang	Nữ	21/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	2.48	Trung bình
172	1822040034	Cao Thị Tuyết	Trinh	Nữ	26/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.48	Giỏi
173	1822040600	Bùi Thị Ngọc	Yến	Nữ	21/09/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT1	128	3.34	Giỏi
174	1822040985	Nguyễn Thị Tú	Anh	Nữ	17/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT2	128	3.38	Giỏi
175	1822041038	Phạm Hải	Anh	Nữ	09/12/2004	Sơn La (Đến ngày 01-07-2025)	Sơn La	Kinh	Kế toán	22DKT2	130	3.63	Xuất sắc
176	1822040962	Lê Đặng Bảo	Châu	Nữ	26/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT2	133	3.18	Khá
177	1822040624	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	26/09/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT2	130	3.55	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
178	1822040988	Nguyễn Thị Kim	Hương	Nữ	24/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT2	128	3.34	Giỏi
179	1822040691	Dương Thị	Ngọc	Nữ	01/06/2004	Thái Nguyên (Đến ngày 01-07-2025)	Thái Nguyên	Nùng	Kế toán	22DKT2	133	3.22	Giỏi
180	1822040958	Trần Tú	Quyên	Nữ	10/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Kế toán	22DKT2	128	3.20	Giỏi
181	1822040830	Nguyễn Hồng Thủy	Tiên	Nữ	24/12/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT2	128	3.13	Khá
182	1822040814	Phạm Phương	Thảo	Nữ	03/08/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT2	133	3.74	Xuất sắc
183	1822040965	Nguyễn Hoàng Thanh	Thuý	Nữ	09/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT2	128	3.56	Giỏi
184	1822041004	Huỳnh Minh	Thư	Nữ	12/10/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT2	130	3.50	Giỏi
185	1822041014	Phạm Hoàng Anh	Thư	Nữ	02/02/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT2	130	2.86	Khá
186	1822020935	Dương Thanh	Trúc	Nữ	01/09/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Hoa	Kế toán	22DKT2	133	3.00	Khá
187	1822040797	Lâm Thanh Thanh	Trúc	Nữ	18/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT2	130	3.36	Giỏi
188	1822040810	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	05/08/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT2	130	3.24	Giỏi
189	1822040668	Võ Lê Hồng	Yến	Nữ	25/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Kế toán	22DKT2	133	3.33	Giỏi
190	1822041170	Vũ Thị Thuý	An	Nữ	14/03/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	3.15	Khá
191	1822041122	Nguyễn Hữu	Cường	Nam	06/06/2004	Bình Thuận (Đến ngày 01-07-2025)	Lâm Đồng	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	2.82	Khá
192	1822041096	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	29/02/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	3.00	Khá
193	1822041471	Nguyễn Lê Thủy	Hương	Nữ	29/08/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	3.28	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
194	1822041136	Lê Đoan	Khang	Nữ	15/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	3.59	Giỏi
195	1822041053	Trần Bạch Hoa	Lan	Nữ	18/09/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu (Đến ngày 01-07-2025)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	3.59	Giỏi
196	1822041472	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	26/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	2.77	Khá
197	1822041475	Vũ Sóng	Mây	Nữ	11/07/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT3	130	3.53	Giỏi
198	1822041387	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	Nữ	02/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	2.87	Khá
199	1822041336	Trần Tuyết	Nhi	Nữ	14/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	2.93	Khá
200	1822041274	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/11/2004	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	2.58	Khá
201	1822041272	Trần Thị Huỳnh	Phương	Nữ	04/01/2004	Hậu Giang (Đến ngày 01-07-2025)	TP Cần Thơ	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	3.30	Giỏi
202	1822041275	Đình Thanh	Tuyết	Nữ	30/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	2.71	Khá
203	1822041320	Trần Minh	Thư	Nữ	13/12/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	3.00	Khá
204	1822041280	Nguyễn Thị Kim	Trang	Nữ	30/04/2004	Thanh Hoá (Đến ngày 01-07-2025)	Thanh Hóa	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	3.24	Giỏi
205	1822041304	Võ Thị Diễm	Trình	Nữ	09/08/2004	Quảng Nam (Đến ngày 01-07-2025)	TP Đà Nẵng	Kinh	Kế toán	22DKT3	130	3.23	Giỏi
206	1822041108	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	14/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	2.70	Khá
207	1822041072	Dương Ngọc	Vy	Nữ	20/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP. HCM	Kinh	Kế toán	22DKT3	128	3.20	Giỏi
208	1822041506	Trần Thị Huỳnh	Anh	Nữ	25/05/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	3.12	Khá
209	1822041481	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	Nữ	25/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	3.59	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghệp	Xếp loại tốt nghệp
210	1822041750	Nguyễn Thị Hồng	Lam	Nữ	17/10/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	3.29	Giỏi
211	1822041710	Hà Thị Trúc	Liều	Nữ	02/03/2004	Phú Yên (Đến ngày 01-07-2025)	Đắk Lắk	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	3.40	Giỏi
212	1822041201	Đào Khương	Ngân	Nữ	20/05/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	2.33	Trung bình
213	1822041603	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24/02/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	3.71	Xuất sắc
214	1822041761	Bùi Vũ Quỳnh	Như	Nữ	24/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	3.50	Giỏi
215	1822021845	Trần Đình Thiện	Quang	Nam	26/08/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	2.83	Khá
216	1822041670	Đàm Thị Ánh	Tuyết	Nữ	25/01/2004	Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	3.10	Khá
217	1822031197	Tô Thị Kim	Thoa	Nữ	27/01/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	2.80	Khá
218	1822031622	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	Nữ	23/11/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	3.10	Khá
219	1822041578	Thái Thị Thảo	Uyên	Nữ	19/05/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	2.91	Khá
220	1822041581	Hoàng Thị Khánh	Vân	Nữ	03/05/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	2.87	Khá
221	1822041857	Nguyễn Trần Ái	Vân	Nữ	20/07/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	2.41	Trung bình
222	1822041498	Trịnh Thùy	Vân	Nữ	07/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Kế toán	22DKT4	128	3.76	Xuất sắc
223	1721011043	Huỳnh Vũ	Linh	Nam	17/04/2001	Bắc Giang	Bắc Ninh	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	21DLH1	126	3.35	Giỏi
224	151900601	Trương Yến	Phương	Nữ	18/03/2001	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	19DQT3	125	3.07	Khá
225	162001336	Ngô Văn	Duy	Nam	30/09/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	20DQT6	126	3.00	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
226	162001604	Nguyễn Xuân	Lịch	Nam	08/05/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	20DQT7	126	2.85	Khá
227	162001693	Mai Thị Mộng	Quỳnh	Nữ	20/12/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	20DQT7	126	2.61	Khá
228	172100053	Lê	Minh	Nam	23/03/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT1	126	2.96	Khá
229	1721010480	Nguyễn Hoài	Phúc	Nam	03/03/2001	Phú Yên (Đến ngày 01-07-2025)	Đắk Lắk	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT3	126	2.77	Khá
230	1721031021	Phạm Đức	Thọ	Nam	18/01/2003	Nam Định (Đến ngày 01-07-2025)	Ninh Bình	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT5	128	3.06	Khá
231	1721031125	Nguyễn Phát	Đạt	Nam	12/01/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT6	126	2.82	Khá
232	1721031285	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	20/03/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT6	126	2.69	Khá
233	1721021661	Đình Thành	Nhân	Nam	02/11/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	21DQT8	126	3.16	Khá
234	1822040166	Nguyễn Thị Phương	An	Nữ	26/03/2004	Thành phố Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.67	Xuất sắc
235	1822040065	Ngô Thị Phương	Anh	Nữ	22/07/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.28	Giỏi
236	1822040037	Nguyễn Hoàng Kiều	Anh	Nữ	31/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.18	Khá
237	1822040127	Giáp Thị Thanh	Dung	Nữ	29/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.20	Giỏi
238	1822040279	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	08/03/2004	Sơn La (Đến ngày 01-07-2025)	Sơn La	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.51	Giỏi
239	1822040284	Nguyễn Anh	Dũng	Nam	09/08/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	2.88	Khá
240	1822040255	Từ Thị Ngọc	Hào	Nữ	13/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.04	Khá
241	1822040047	Nguyễn Quỳnh	Hoa	Nữ	08/02/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.66	Xuất sắc

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
242	1822010164	Nguyễn Phước	Khánh	Nam	13/04/2001	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.10	Khá
243	1822040087	Nguyễn Tài	Lộc	Nam	23/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.35	Giỏi
244	1822030159	Lại Minh	Quân	Nam	06/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07- 2025)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.15	Khá
245	1822040276	Phạm Thị Mỹ	Tâm	Nữ	05/02/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.26	Giỏi
246	1822040145	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	21/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.59	Giỏi
247	1822040209	Nguyễn Hoàng	Thy	Nữ	28/02/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.56	Giỏi
248	1822040259	Võ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	10/11/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	2.93	Khá
249	1822040107	Trần Nguyễn Minh	Trí	Nam	14/06/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.10	Khá
250	1822040286	Nguyễn Mỹ	Uyên	Nữ	10/05/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.83	Xuất sắc
251	1822040275	Vũ Thị Kim	Uyên	Nữ	03/06/2004	Lâm Đồng (Đến ngày 01-07-2025)	Lâm Đồng	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.72	Xuất sắc
252	1822040143	Phạm Lâm	Vũ	Nam	27/04/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT1	126	3.72	Xuất sắc
253	1822040361	Nguyễn Trần Mai	Anh	Nữ	01/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	126	3.47	Giỏi
254	1822040319	Phạm Vân	Anh	Nữ	17/09/2004	Nghệ An	Nghệ An	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	126	3.24	Giỏi
255	1822040368	Đoàn Thị Hồng	Ánh	Nữ	23/02/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	126	3.17	Khá
256	1822990480	Nguyễn Hoàng Diễm	My	Nữ	09/10/1999	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	126	2.96	Khá
257	1822040344	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	25/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	126	3.43	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
258	1822040305	Phạm Ngọc Phương	Quyên	Nữ	12/12/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	126	3.84	Xuất sắc
259	1822040318	Trương Trần Hoài	Thanh	Nam	01/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	126	3.81	Xuất sắc
260	1822040463	Phạm Nguyễn Hà	Vy	Nữ	29/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT2	126	3.46	Giỏi
261	1822040729	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Nữ	25/08/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.13	Khá
262	1822040698	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Nữ	23/10/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	2.90	Khá
263	1822040652	Phan Quốc	Huy	Nam	12/02/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	2.98	Khá
264	1822040614	Huỳnh Bá Văn	Khanh	Nữ	29/02/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	2.80	Khá
265	1822040801	Đặng Trọng	Khôi	Nam	12/04/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.24	Giỏi
266	1822040712	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	Nữ	14/06/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.68	Xuất sắc
267	1822040730	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	23/03/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.16	Khá
268	1822040722	Phan Yến	Nhi	Nữ	11/12/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.21	Giỏi
269	1822040720	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	Nữ	19/02/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.21	Giỏi
270	1822040524	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	02/10/2004	Khánh Hòa	Khánh Hòa	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.54	Giỏi
271	1822040581	Lê Văn	Quang	Nam	13/10/2004	Thành phố Huế	Thành phố Huế	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.16	Khá
272	1822040763	Đỗ Thảo	Quyên	Nữ	02/04/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.10	Khá
273	1822040602	Võ Thị	Tâm	Nữ	16/11/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.00	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
274	1822040572	Nguyễn Thị Ngọc	Tiên	Nữ	09/09/2004	An Giang	Kiên Giang	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.53	Giỏi
275	1822040686	Trịnh Thuỷ	Tiên	Nữ	23/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	2.90	Khá
276	1822040549	Lâm Cát	Tường	Nam	20/02/2004	An Giang	Kiên Giang	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.23	Giỏi
277	1822040654	Trương Thị Thanh	Thúy	Nữ	09/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	2.98	Khá
278	1822041905	Ngô Trang	Thy	Nữ	15/08/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.01	Khá
279	1822040633	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	29/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	2.97	Khá
280	1822040777	Trần Ngọc Tú	Trình	Nữ	04/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.19	Khá
281	1822040574	Ngô Thị	Vân	Nữ	04/12/2004	Thanh Hoá (Đến ngày 01-07-2025)	Thanh Hóa	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT3	126	3.23	Giỏi
282	1822040850	Trần Vũ Lan	Anh	Nữ	07/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.39	Giỏi
283	1822041073	Lê Ngọc	Ánh	Nữ	27/01/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.06	Khá
284	1822040843	Võ Thị Thanh	Diễm	Nữ	14/11/2004	Phú Yên (Đến ngày 01-07-2025)	Đắk Lắk	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.07	Khá
285	1822041048	Trần Khang	Duy	Nam	27/05/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	2.72	Khá
286	1822041064	La Ngọc Mỹ	Duyên	Nữ	09/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Hoa	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.00	Khá
287	1822040836	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	25/05/2004	Phú Yên (Đến ngày 01-07-2025)	Đắk Lắk	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.04	Khá
288	1822040982	Đỗ Thị Thu	Hương	Nữ	20/08/2004	Phú Thọ	Phú Thọ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.74	Xuất sắc
289	1822041033	Nguyễn Trần Lê	Hương	Nữ	25/10/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.46	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
290	1822040863	Bành Quốc	Lâm	Nam	04/07/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.24	Giỏi
291	1822040841	Kiên Thị	Mỹ Linh	Nữ	30/10/2004	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Khơ- Me	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.36	Giỏi
292	1822041012	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	Nữ	21/10/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.64	Xuất sắc
293	1822040934	Nguyễn Thị Kim	Nhã	Nữ	02/01/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.31	Giỏi
294	1822041075	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	20/08/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.87	Xuất sắc
295	1822040837	Nguyễn Thị Thu	Phượng	Nữ	10/04/2004	Phú Yên (Đến ngày 01-07-2025)	Đắk Lắk	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.46	Giỏi
296	1822040927	Khúc Thanh	Tâm	Nữ	13/03/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.45	Giỏi
297	1822041049	Nguyễn Ngọc Phúc	Tuấn	Nam	16/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	2.96	Khá
298	1822041076	Vũ Chí	Thiện	Nam	04/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	2.78	Khá
299	1822041010	Mai Ngọc Đoan	Trang	Nữ	27/09/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.15	Khá
300	1822031031	Lê Nguyễn Hoài	Trâm	Nữ	04/03/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.26	Giỏi
301	1822040881	Lê Thị Thanh	Trâm	Nữ	06/03/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.10	Khá
302	1822040971	Nguyễn Hoàng Kiều	Uyên	Nữ	02/12/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT4	126	3.08	Khá
303	1822031401	Cái Thị	Doanh	Nữ	01/07/2003	Thành phố Huế	TP. Huế	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.26	Giỏi
304	1822041131	Đào Thị	Giang	Nữ	27/07/2004	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.15	Khá
305	1822041417	Cao Hoàng Kim	Hồng	Nữ	01/02/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.57	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghệ nghiệp	Xếp loại tốt nghệ nghiệp	
306	1822041230	Trương	Trịnh Khánh	Huyền	Nữ	20/07/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.85	Xuất sắc
307	1822041249	Trịnh	Thị Thuý	Nga	Nữ	22/10/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.26	Giỏi
308	1822011355	Nguyễn	Phương	Nghi	Nữ	27/07/2001	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	2.83	Khá
309	1822041100	Nguyễn	Lâm Quỳnh	Nhi	Nữ	14/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.68	Xuất sắc
310	1822041393	Nguyễn	Phương	Nhi	Nữ	11/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Hà Nội	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.00	Khá
311	1822041214	Nguyễn	Nam	Phượng	Nữ	03/09/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.70	Xuất sắc
312	1822041219	Nguyễn	Trần Bích	Phượng	Nữ	27/12/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.13	Khá
313	1822041240	Phạm	Như	Quỳnh	Nữ	23/04/2004	Đắk Lắk	Đắk Lắk	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.35	Giỏi
314	1822031383	Bùi	Minh	Sang	Nam	15/11/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.29	Giỏi
315	1822041154	Phan	Thị Ngọc	Thu	Nữ	24/05/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.62	Xuất sắc
316	1822041224	Lê	Thị Thanh	Thuý	Nữ	16/03/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.23	Giỏi
317	1822041165	Phan	Thị Phương	Thùy	Nữ	19/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	2.96	Khá
318	1822041296	Bùi	Thị Anh	Thư	Nữ	29/07/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.36	Giỏi
319	1822041411	Nguyễn	Ngọc Anh	Thư	Nữ	16/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.40	Giỏi
320	1822031416	Phạm	Nguyễn Phượng	Trâm	Nữ	17/04/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.29	Giỏi
321	1822041121	Đỗ	Thị Mỹ	Uyên	Nữ	07/12/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT5	126	3.27	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
322	1822041508	Đinh Thị Ánh	Dương	Nữ	06/06/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	3.15	Khá
323	1822041894	Tống Thành	Đô	Nam	07/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	3.69	Xuất sắc
324	1822041452	Nguyễn Phạm Kiều	Khanh	Nữ	05/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP. HCM	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	3.83	Xuất sắc
325	1822041434	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	04/03/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	3.20	Giỏi
326	1822041666	Nguyễn Tú	Mi	Nữ	23/03/2004	Đắk Lắk	Đắk Lắk	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	3.38	Giỏi
327	1822041661	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	16/01/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	3.41	Giỏi
328	1822041539	Nguyễn Hồng Yến	Nhi	Nữ	28/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	2.84	Khá
329	1822041474	Nguyễn Thanh	Sơn	Nam	30/06/2004	Thành phố Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	3.64	Xuất sắc
330	1822041628	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	24/02/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	3.25	Giỏi
331	1822041448	Nguyễn Hồng	Thắm	Nữ	15/04/2004	Thành phố Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	3.52	Giỏi
332	1822031574	Vương Bảo	Trâm	Nữ	13/06/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	3.02	Khá
333	1822041505	Nguyễn Hoàng	Trình	Nữ	08/07/2004	Cà Mau (Đến ngày 01-07-2025)	Cà Mau	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	3.11	Khá
334	1822041592	Nguyễn Thị Mai	Trình	Nữ	01/04/2004	Bình Định (Đến ngày 01-07-2025)	Gia Lai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT6	126	3.59	Giỏi
335	1822020541	Đặng Duy	An	Nam	29/09/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	126	3.30	Giỏi
336	1822041817	Đỗ Lê Trọng	Phúc	Nam	11/05/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	126	3.48	Giỏi
337	1822041764	Khổng Thị Như	Quỳnh	Nữ	30/06/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	126	3.37	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
338	1822030243	Đặng Thị Anh	Thi	Nữ	26/09/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	126	3.02	Khá
339	1822041737	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	06/07/2004	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Kinh	Quản trị kinh doanh	22DQT7	126	3.77	Xuất sắc
340	131700325	Ngô Lam	Trường	Nam	23/05/1999	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị Khách sạn	17DNH1	116	2.76	Khá
341	162000916	Vũ Minh	Phụng	Nam	23/09/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị khách sạn	20DKS2	127	2.64	Khá
342	1721031069	Phạm Lê Minh	Anh	Nữ	16/06/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị khách sạn	21DKS1	127	2.96	Khá
343	172100046	Dương Văn Thanh	Huy	Nam	11/06/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị khách sạn	21DKS1	127	3.31	Giỏi
344	1721031079	Phạm Nguyễn Quốc	Sử	Nam	26/07/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị khách sạn	21DKS1	127	3.45	Giỏi
345	1721030956	Phạm Hoàng Nhã	Uyên	Nữ	06/04/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị khách sạn	21DKS1	127	3.21	Giỏi
346	1822031655	Nguyễn Minh	Chương	Nam	08/03/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	127	3.14	Khá
347	1822041594	Phan Thị	Duyên	Nữ	25/06/2004	Bình định	Gia Lai	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	127	3.59	Giỏi
348	1822041662	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	19/07/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	127	2.99	Khá
349	1822041487	Ngô Ngọc	Hân	Nữ	12/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	127	3.22	Giỏi
350	1822031264	Nguyễn Đặng Kiều	Hân	Nữ	04/07/2003	Tiền Giang (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Tháp	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	127	3.64	Xuất sắc
351	1822020394	Trần Thị Nhã	Linh	Nữ	21/05/2002	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	127	3.06	Khá
352	1822021198	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	05/09/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	127	3.73	Xuất sắc
353	1822041208	Hà Thị Bảo	Như	Nữ	06/05/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Ninh Bình	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	127	3.43	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghệp	Xếp loại tốt nghệp
354	1822040376	Nguyễn Thùy Như	Trang	Nữ	24/03/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	127	3.43	Giỏi
355	1822041562	Mai Nhật	Trường	Nam	04/04/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Nghệ An	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	127	3.17	Khá
356	1822030648	Hoàng Ngọc Phương	Uyên	Nữ	14/10/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu (Đến ngày 01-07- 2025)	TP. HCM	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	127	2.96	Khá
357	1822041345	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	30/07/2004	An Giang (Đến ngày 01-07-2025)	An Giang	Kinh	Quản trị khách sạn	22DKS1	127	3.17	Khá
358	1721030974	Nguyễn Công	Anh	Nam	07/09/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	21DTC1	126	2.71	Khá
359	172100179	Lê Thùy	Dung	Nữ	01/05/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	21DTC1	128	2.37	Trung bình
360	172100065	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	18/05/2003	Lâm Đồng (Đến ngày 01-07-2025)	Lâm Đồng	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	21DTC1	126	2.74	Khá
361	172100107	Đặng Bùi Huyền	Trang	Nữ	05/01/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	21DTC1	126	3.00	Khá
362	1721031258	Võ Thiện	Phúc	Nam	26/03/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	21DTC2	126	2.83	Khá
363	1822040383	Nguyễn Hồ Ngọc	Hân	Nữ	20/08/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	126	3.54	Giỏi
364	1822040679	Đa Thị Kim	Lệ	Nữ	22/02/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	126	3.91	Xuất sắc
365	1822040883	Phạm Ngọc Hoàng	Minh	Nữ	18/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	126	3.32	Giỏi
366	1822040718	Nguyễn Huỳnh Yến	Ngân	Nữ	31/07/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	126	2.84	Khá
367	1822040055	Lê Trần Tuyết	Nhi	Nữ	05/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	126	3.57	Giỏi
368	1822040595	Phạm Vũ Yến	Nhi	Nữ	17/09/2004	Bình Dương (Đến ngày 01-07-2025)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	126	3.65	Xuất sắc
369	1822030004	Lê Ngọc	Phi	Nam	01/09/2003	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	126	3.10	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
370	1822040285	Phạm Xuân	Phú	Nam	09/02/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	126	3.34	Giỏi
371	1822040887	Nguyễn Phúc Định	Tân	Nam	19/04/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	126	2.92	Khá
372	1822040589	Vũ Dạ	Thu	Nữ	14/12/2004	Hải Phòng (Đến ngày 01-07-2025)	Thành Phố Hải Phòng	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	126	3.17	Khá
373	1822040429	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	27/12/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	126	3.66	Xuất sắc
374	1822040895	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	Nữ	18/09/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC1	126	2.85	Khá
375	1822041152	Lê Thị Phương	Hồng	Nữ	02/04/2004	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	126	3.49	Giỏi
376	1822041892	Bùi Thị Ngọc	Huyền	Nữ	23/10/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	128	3.11	Khá
377	1822041626	Trần Thị Cẩm	Mỹ	Nữ	18/11/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	126	2.46	Trung bình
378	1822041560	Đỗ Kim	Ngân	Nữ	10/03/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	128	3.29	Giỏi
379	1822041896	Bùi Thị Kiều	Nhi	Nữ	28/12/2004	Đồng Nai	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	128	2.87	Khá
380	1822041567	Trần Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	11/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	128	3.35	Giỏi
381	1822041028	Dương Nguyễn Thùy	Như	Nữ	29/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	126	2.90	Khá
382	1822041110	Nguyễn Trần Thảo	Như	Nữ	03/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP. HCM	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	128	2.94	Khá
383	1822031554	Trịnh Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	05/03/2003	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	126	3.57	Giỏi
384	1822041376	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	05/02/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Thành Phố Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	130	3.21	Giỏi
385	1822041055	Nguyễn Phạm Kiều	Trang	Nữ	05/04/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	TP. Đồng Nai	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	126	2.60	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
386	1822041257	Huỳnh Tuyết	Trinh	Nữ	05/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Tài chính - Ngân hàng	22DTC2	126	3.26	Giỏi
387	151900315	Nguyễn Văn Thành	Long	Nam		Bình Dương	TPHCM	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	19DCT1	130	2.68	Khá
388	151901814	Nguyễn Tấn	Sang	Nam	23/07/1998	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	19DCT1	130	2.77	Khá
389	151901572	Ngô Tấn	Tài	Nam	05/07/2000	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	19DCT2	132	2.50	Khá
390	162001322	Trần Quốc	Phong	Nam	26/01/2001	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	20DCT2	154	2.81	Khá
391	1721030912	Võ Đoàn	Khánh	Nam	09/02/2003	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	21DCT1	153	2.58	Khá
392	1224960079	Huỳnh Vãn	Cường	Nam	12/05/1996	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	24DCT1LT1	152	2.73	Khá
393	1224990064	Nguyễn Ngọc	Mẫn	Nam	09/05/1999	TPHCM	TPHCM	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	24DCT1LT1	152	3.13	Khá
394	1224000074	Cao Đăng	Nguyên	Nam	15/12/2000	Kon Tum	Quảng Ngãi	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	24DCT1LT1	152	2.89	Khá
395	1224030065	Đoàn Thái	Sơn	Nam	15/01/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	24DCT1LT1	152	2.55	Khá
396	1224010070	Bùi Công Bảo	Thắng	Nam	25/12/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ chế tạo máy	24DCT1LT1	152	2.66	Khá
397	121613084	Đặng Quốc	Vũ	Nam	10/05/1998	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện	16DĐI1	126	3.06	Khá
398	151900145	Bùi Văn	Nhật	Nam	07/06/2001	Thanh Hoá	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện	19DĐI1	133	2.76	Khá
399	151900973	Trần Ngọc	Sơn	Nam	30/09/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện	19DĐI1	130	2.71	Khá
400	141801371	Trần Hoàng	Anh	Nam	26/03/2000	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	18DDT3	129	2.37	Trung bình
401	162000201	Phan Hoài	Nam	Nam	28/09/2002	TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20DĐI1	154	2.49	Trung bình
402	162001291	Lê Quang	Đông	Nam	11/03/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20DĐT1	154	2.78	Khá
403	1721031428	Lê Mạnh	Hùng	Nam	17/01/2003	Hà Nam	Ninh Bình	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21DĐT1	154	2.69	Khá
404	172100011	Nguyễn Văn	Huỳnh	Nam	30/06/2003	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21DĐT1	154	2.63	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
405	1721030702	Phạm Duy	Khải	Nam	21/04/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21ĐĐT1	154	2.93	Khá
406	1721031017	Nguyễn Hoàng An	Khang	Nam	29/06/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21ĐĐT1	154	2.79	Khá
407	1721030883	Đỗ Nguyễn Bảo	Khanh	Nam	16/01/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21ĐĐT1	154	2.61	Khá
408	1721031499	Trần Công	Nam	Nam	26/10/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21ĐĐT1	154	2.92	Khá
409	1721030681	Võ Đức	Tín	Nam	21/04/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21ĐĐT1	156	2.82	Khá
410	1721030568	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	29/04/2003	Cần Thơ	Cần Thơ (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21ĐĐT1	154	3.05	Khá
411	1721031445	Nguyễn Nam Thái	Hải	Nam	22/12/2003	Gia Lai	Gia Lai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21ĐĐT2	154	2.76	Khá
412	131700435	Lê Trọng	Tài	Nam	12/06/1997	Nghệ An	Nghệ An	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	17DOT2	140	2.53	Khá
413	141800420	Nguyễn Ngọc Nhật	Minh	Nam	28/07/2000	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	18DOT2	129	2.58	Khá
414	141800643	Nguyễn Nhựt	Trường	Nam	03/12/2000	An Giang	Kiên Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	18DOT3	129	2.76	Khá
415	141801045	Phan Huỳnh Thanh	Duy	Nam	27/04/2000	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	18DOT4	129	2.45	Trung bình
416	151900886	Nguyễn Quốc	Thuận	Nam	28/09/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	19DOT3	130	2.80	Khá
417	162000076	Nguyễn Hữu	Cường	Nam	18/02/2002	TPHCM	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	20DOT1	156	2.90	Khá
418	162000068	Nguyễn Mạnh	Dũng	Nam	14/05/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	20DOT1	156	2.55	Khá
419	162000439	Vũ Phong Minh	Trí	Nam	27/02/2002	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	20DOT2	156	3.17	Khá
420	162000955	Nguyễn Thành	Trung	Nam	06/08/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	20DOT3	156	2.95	Khá
421	162001631	Phạm Thanh	Phúc	Nam	14/02/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	20DOT4	156	3.11	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghệp	Xếp loại tốt nghệp
422	172100285	Nguyễn Trần Gia	Bảo	Nam	06/04/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT1	156	3.14	Khá
423	172100300	Phan Minh	Đạo	Nam	23/03/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT1	156	3.23	Giỏi
424	172100341	Trần Trung	Hiếu	Nam	15/01/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT1	162	3.03	Khá
425	172100230	Đỗ Tiến	Phát	Nam	24/07/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT1	156	2.91	Khá
426	172100068	Đặng Ngọc	Sơn	Nam	22/11/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT1	156	2.96	Khá
427	1721030665	Nguyễn Tiến	Công	Nam	01/08/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT2	158	2.60	Khá
428	1721030483	Trần Nhật	Duy	Nam	19/04/2003	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Hoa	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT2	156	2.74	Khá
429	1721030601	Nguyễn Đình Đăng	Khoa	Nam	06/05/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT2	156	3.03	Khá
430	1721030386	Đặng Hoàng Gia	Long	Nam	20/11/2003	Bình Phước	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT2	156	3.13	Khá
431	1721030573	Vũ Phi	Long	Nam	06/10/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT2	156	3.39	Giỏi
432	1721030567	Nguyễn Trần Quang	Minh	Nam	27/11/2003	TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT2	156	3.21	Giỏi
433	1721030822	Vũ Văn	Quyền	Nam	22/04/2003	Thanh Hoá	Thanh Hoá (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT2	156	3.06	Khá
434	1721031388	Hứa Gia	Huy	Nam	22/08/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT3	156	3.16	Khá
435	1721031103	Nguyễn Đỗ Gia	Huy	Nam	09/07/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT3	156	3.30	Giỏi
436	1721031344	Nguyễn Minh	Kha	Nam	25/07/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT3	156	2.88	Khá
437	1721030928	Nguyễn Phương	Nam	Nam	01/10/2003	Lâm Đồng	Lâm Đồng (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT3	156	3.08	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
438	1721030981	Phan Quách Minh	Nhật	Nam	30/09/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT3	156	2.90	Khá
439	1721031153	Nguyễn Trần Minh	Quân	Nam	15/07/2003	TPHCM	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT3	156	2.93	Khá
440	1721031141	Nguyễn Hoàng	Tâm	Nam	20/01/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT3	156	2.88	Khá
441	1721031149	Đào Xuân	Tới	Nam	23/02/2003	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT3	156	2.91	Khá
442	1721031337	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	04/07/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT3	156	3.05	Khá
443	1721031108	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	15/10/2003	Nam Định	Ninh Bình	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT3	156	3.09	Khá
444	1721031469	Trần Minh	Khôi	Nam	29/10/2003	TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT4	156	2.64	Khá
445	1721031422	Nguyễn Minh	Phước	Nam	06/05/2003	Quảng Nam	Đà Nẵng	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT4	156	3.23	Giỏi
446	1721030378	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	20/04/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	21DOT4	156	2.79	Khá
447	151901055	Trương Thành	Đạt	Nam		Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	19DXD1	131	3.07	Khá
448	162000248	Dương Đức	Toàn	Nam	05/04/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	20DXD1	133	2.79	Khá
449	162001105	Lê	Vũ	Nam	15/12/2002	Thanh Hoá	Thanh Hoá (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	20DXD1	133	3.23	Giỏi
450	162001249	Lê Đức	Vượng	Nam	21/03/2002	Quảng Bình	Quảng Trị	Kinh	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	20DXD1	133	3.06	Khá
451	1721031089	Phan Thanh	Minh	Nam	06/10/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	21DXD1	133	2.70	Khá
452	1721031495	Nguyễn Trung	Thịnh	Nam	08/09/2003	Đồng Nai	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Kinh	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	21DXD1	133	3.18	Khá
453	162001095	A Lê Hoàng	Anh	Nam	14/07/2002	Đắk Lắk	Đắk Lắk	Ê-đê	Đông phương học	20ĐP1	130	2.42	Trung bình

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
454	162000034	Phạm Thu	Nga	Nữ	13/11/2001	Hải Dương	Hải Phòng	Kinh	Đông phương học	20ĐĐP1	130	3.07	Khá
455	162001355	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	15/08/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	20ĐĐP1	130	2.52	Khá
456	162000674	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	10/02/2000	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	20ĐĐP3	130	3.06	Khá
457	1721031082	Phan Võ Trúc	Quân	Nữ	24/12/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	21ĐĐP2	130	2.73	Khá
458	1822030466	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	08/08/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22ĐĐP1	130	3.25	Giỏi
459	1822040438	Phạm Quốc	Cường	Nam	04/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22ĐĐP1	130	3.53	Giỏi
460	1822040293	Mai Quế	Chi	Nữ	23/12/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22ĐĐP1	130	3.52	Giỏi
461	1822040728	Lê Thùy	Dương	Nữ	19/01/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22ĐĐP1	130	3.10	Khá
462	1822041806	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	25/07/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22ĐĐP1	130	3.79	Xuất sắc
463	1822040570	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	Nữ	17/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22ĐĐP1	130	2.83	Khá
464	1822041450	Trần Tuyết	Mai	Nữ	22/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22ĐĐP1	130	2.56	Khá
465	1822040274	Phạm Ngọc Thảo	My	Nữ	03/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22ĐĐP1	130	3.80	Xuất sắc
466	1822031436	Nguyễn Hồ Xuân	Nhi	Nữ	04/11/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22ĐĐP1	130	3.61	Xuất sắc
467	1822040197	Nguyễn Hồng	Phúc	Nam	06/09/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Đông phương học	22ĐĐP1	130	3.51	Giỏi
468	1822041839	Trần Thị Ngọc	Thuỳ	Nữ	19/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Đông phương học	22ĐĐP1	130	3.43	Giỏi
469	1822040511	Trần Chè	Trà	Nữ	09/08/2004	Nghệ An	Nghệ An	Kinh	Đông phương học	22ĐĐP1	130	2.82	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
470	1822020620	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	15/05/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22DĐP1	130	2.76	Khá
471	1822040355	Hoàng Khánh	Vy	Nữ	22/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Đông phương học	22DĐP1	130	3.12	Khá
472	1822040539	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	22/05/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22DĐP1	130	3.29	Giỏi
473	1822040803	Trịnh Kim	Chi	Nữ	03/06/2004	Thanh Hoá	Thanh Hoá	Kinh	Đông phương học	22DĐP2	130	3.32	Giỏi
474	1822031844	Phạm Thành	Đạt	Nam	22/11/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22DĐP2	130	3.16	Khá
475	1822040707	Nguyễn Ngọc	Hiếu	Nam	14/12/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22DĐP2	130	2.27	Trung bình
476	1822011314	Trần Thanh Thảo	Nhi	Nữ	19/05/2001	Cần Thơ	Cần Thơ	Kinh	Đông phương học	22DĐP2	130	2.67	Khá
477	1822031078	Đặng Duy	Quang	Nam	26/08/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Đông phương học	22DĐP2	130	2.68	Khá
478	1822040949	Nguyễn Xuân	Quỳnh	Nữ	09/09/2004	Ninh Bình	Ninh Bình	Kinh	Đông phương học	22DĐP2	130	2.93	Khá
479	151901149	Phan Vũ Minh	Đạt	Nam	06/10/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	19DTA3	139	2.80	Khá
480	151901003	Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	22/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Ngôn ngữ Anh	19DTA3	139	2.91	Khá
481	151901647	Nguyễn Cao Nhật	Minh	Nam	09/12/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	19DTA5	139	3.22	Giỏi
482	162000249	Đỗ Minh	Hưng	Nam	28/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Ngôn ngữ Anh	20DTA1	138	2.82	Khá
483	162000946	Vũ Nhật Phương	Uyên	Nữ	10/06/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	20DTA2	138	2.64	Khá
484	162001650	Võ Thị Tuyết	Hân	Nữ	26/09/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	20DTA4	136	2.41	Trung bình
485	172100353	Lê Võ Phương	Quyên	Nữ	08/05/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	21DTA1	136	3.23	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghệp	Xếp loại tốt nghệp
486	1721031150	Trần Kim	Long	Nam	09/03/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	21DTA2	136	3.28	Giỏi
487	1721020819	Nguyễn Văn Trường	Sơn	Nam	05/12/2002	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	21DTA2	139	2.96	Khá
488	1721031403	Mai Vũ Huyền	Trang	Nữ	24/12/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	21DTA3	136	2.28	Trung bình
489	1721031656	Hồ Thị Ngọc	Phượng	Nữ	17/01/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	21DTA4	136	3.41	Giỏi
490	1721031601	Nguyễn Hoàng Hạnh	Thảo	Nữ	03/01/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	21DTA4	136	3.38	Giỏi
491	1721031715	Nguyễn Vũ Ngọc	Trình	Nữ	14/12/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	21DTA4	136	2.98	Khá
492	1822040170	Lê Đặng Quỳnh	Anh	Nữ	11/05/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.39	Giỏi
493	1822040709	Trần Thành Phương	Duy	Nam	30/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.13	Khá
494	1822900552	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	02/04/1990	Thái Bình	Hưng Yên	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.63	Xuất sắc
495	1822040601	Nguyễn Thị Bảo	Hà	Nữ	19/10/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.23	Giỏi
496	1822040306	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	11/06/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.32	Giỏi
497	1822040106	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	19/10/2004	Đắk Lắk	Đắk Lắk	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.00	Khá
498	1822040455	Nguyễn Thế	Lộc	Nam	18/10/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.70	Xuất sắc
499	1822040532	Trần Thị Trúc	Ly	Nữ	16/12/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.25	Giỏi
500	1822040516	Nguyễn Phương	Nghi	Nữ	07/12/2004	Tiền Giang	Đồng Tháp	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.52	Giỏi
501	1822040341	Đỗ Thị Bích	Ngọc	Nữ	22/10/2004	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.57	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
502	1822040387	Nguyễn Thị Hạnh	Nhã	Nữ	20/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.59	Giỏi
503	1822031287	Nguyễn Hữu	Nhân	Nam	03/07/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	138	3.48	Giỏi
504	1822040262	Lê Hoàng	Oanh	Nữ	23/09/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.00	Khá
505	1822040660	Nguyễn Minh	Phát	Nam	26/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.15	Khá
506	1822030156	Lưu Mỹ	Tú	Nữ	21/02/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	138	2.56	Khá
507	1822900011	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	13/09/1990	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.65	Xuất sắc
508	1822040678	Huỳnh Thị Minh	Thư	Nữ	05/10/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.46	Giỏi
509	1822040538	Nguyễn Hồng	Trân	Nữ	04/03/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	2.97	Khá
510	1822040479	Phan Nguyễn Yến	Vy	Nữ	10/12/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	3.17	Khá
511	1822040630	Phan Xuân Yến	Vy	Nữ	23/03/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	136	2.96	Khá
512	1822041148	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	02/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	2.93	Khá
513	1822040786	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	09/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07-2025)	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	3.25	Giỏi
514	1822040987	Nguyễn Thị Thảo	Hoàng	Nữ	11/01/2004	Đắk Lắk (Đến ngày 01-07-2025)	Đắk Lắk	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	3.57	Giỏi
515	1822040782	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	09/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	138	3.34	Giỏi
516	1822041046	Nguyễn Xuân	Hương	Nữ	28/10/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	3.43	Giỏi
517	1822040898	Trần Gia	Kỳ	Nữ	12/06/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	3.60	Xuất sắc

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
518	1822041142	Nguyễn Hoàng Khánh	Ly	Nữ	02/09/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	3.62	Xuất sắc
519	1822030852	Trần Thị Trà	My	Nữ	01/06/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	3.74	Xuất sắc
520	1822040924	Lê Thị Thúy	Nga	Nữ	21/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	2.91	Khá
521	1822040816	Nguyễn Ngọc Gia	Nghi	Nữ	20/06/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	3.58	Giỏi
522	1822041058	Mai Nguyên	Ngọc	Nữ	14/04/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	2.71	Khá
523	1822040943	Lê Hoàng YẾN	Nhi	Nữ	03/01/2004	Bình Dương (Đến ngày 01-07-2025)	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	2.57	Khá
524	1822041179	Nguyễn Uyên	Nhi	Nữ	22/08/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	2.53	Khá
525	1822041068	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	19/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày 01-07- 2025)	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	3.13	Khá
526	1822040829	Dương Hà	Quyên	Nữ	07/11/2004	Bình Phước	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	136	3.25	Giỏi
527	1822041216	Cao Thị Ngọc	Anh	Nữ	13/04/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	136	2.71	Khá
528	1822041488	Lê Thu	Hiền	Nữ	09/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	136	3.27	Giỏi
529	1822041277	Trần Mai	Hương	Nữ	10/07/2004	Hưng Yên	Hưng Yên	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	136	2.92	Khá
530	1822041183	Phạm Ngọc Trúc	Linh	Nữ	18/08/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	136	3.50	Giỏi
531	1822011228	Vũ Thị Khánh	Ly	Nữ	11/01/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	136	3.38	Giỏi
532	1822041252	Lý Phạm Kim	Ngân	Nữ	22/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	136	3.29	Giỏi
533	1822041221	Phạm Nguyễn Thu	Ngọc	Nữ	19/07/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	136	3.13	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
534	1822041476	Đỗ Lê Uyên	Nhi	Nữ	29/06/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	136	2.83	Khá
535	1822041311	Phùng Thị Gia	Quỳnh	Nữ	19/06/2004	Thanh Hoá	Thanh Hoá	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	136	2.96	Khá
536	1822041346	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	03/05/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	136	3.20	Giỏi
537	1822041728	Nguyễn Hoà	An	Nữ	10/07/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	136	3.13	Khá
538	1822041667	Hồ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	01/03/2004	Nghệ An (Đến ngày 01-07-2025)	Nghệ An	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	136	3.54	Giỏi
539	1822041702	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	13/07/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	136	3.75	Xuất sắc
540	1822041891	Phạm Hà Minh	Hoàng	Nam	18/05/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	136	3.28	Giỏi
541	1822041798	Trần Khánh	Ly	Nữ	05/01/2004	Ninh Bình	Ninh Bình	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	138	2.58	Khá
542	1822041727	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	01/01/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	136	3.32	Giỏi
543	1822041604	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	20/08/2004	Thành phố Huế	Thành phố Huế	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	136	2.79	Khá
544	1822041645	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	Nữ	20/04/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	136	3.27	Giỏi
545	1822041613	Đậu Thị Phương	Trang	Nữ	02/03/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	136	3.08	Khá
546	1822031755	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	25/08/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	136	3.65	Xuất sắc
547	1123890023	Phạm Thị	Huyền	Nữ	12/08/1989	Thái Bình	Hưng Yên	Kinh	Ngôn ngữ Anh	23DTA1LT1	131	3.36	Giỏi
548	1123900020	Phạm Thùy	Linh	Nữ	03/04/1990	Hải Dương	Hải Phòng	Kinh	Ngôn ngữ Anh	23DTA1LT1	131	3.15	Khá
549	1123880024	Trịnh Duy	Tân	Nam	06/02/1988	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Anh	24DTA1LT1	127	2.92	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
550	1721030704	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	19/07/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	21DTQ1	130	3.21	Giỏi
551	1721031060	Trần Lê Thảo	Trang	Nữ	06/11/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	21DTQ1	130	2.53	Khá
552	1822040531	Vũ Thị Phương	Anh	Nữ	03/04/2004	Bình Dương	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	3.33	Giỏi
553	1822040035	Lê Chí	Bảo	Nam	14/03/2004	Gia Lai	Gia Lai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	2.03	Trung bình
554	1822040195	Nguyễn Thanh	Chúc	Nữ	01/10/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	3.65	Xuất sắc
555	1822040806	Đặng Nguyễn Ngọc	Diễm	Nữ	06/06/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	3.47	Giỏi
556	1822040840	Trần Phương	Dung	Nữ	09/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	128	3.46	Giỏi
557	1822040360	Hoàng Hải	Hà	Nữ	12/04/2004	Quảng Trị	Quảng Trị	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	128	2.89	Khá
558	1822040771	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	19/10/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	3.38	Giỏi
559	1822040427	Dương Minh	Hiếu	Nam	10/09/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	3.20	Giỏi
560	1822040433	Vòng Tôn	Huy	Nam	08/01/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Hoa	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	128	3.61	Xuất sắc
561	1822040536	Lê Thị Thu	Hường	Nữ	14/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	128	3.52	Giỏi
562	1822040389	Lê Phạm Hỷ	Kiệt	Nam	31/12/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	128	3.11	Khá
563	1822040406	Phạm Thị	Luyên	Nữ	21/07/2004	Thái Bình	Hưng Yên	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	128	3.68	Xuất sắc
564	1822040695	Nguyễn Kiều Trúc	Ly	Nữ	13/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	2.82	Khá
565	1822040676	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	04/09/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	3.46	Giỏi

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chi tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
566	1822040636	Phan Thị Triều	Phúc	Nữ	12/03/2004	Quảng Nam	TP. Đà Nẵng	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	2.84	Khá
567	1822040287	Bùi Bích	Phượng	Nữ	28/11/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	3.27	Giỏi
568	1822041871	Dương Thị Thanh	Tâm	Nữ	15/08/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	128	3.34	Giỏi
569	1822040204	Nguyễn Phạm Minh	Tiến	Nam	06/02/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	128	2.84	Khá
570	1822040804	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	18/02/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	2.85	Khá
571	1822040688	Phạm Thị	Thao	Nữ	06/05/2004	Thanh Hoá (Đến ngày 01-07-2025)	Thanh Hoá	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	2.83	Khá
572	1822020091	Hà Thu	Thảo	Nữ	02/01/2002	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	128	2.82	Khá
573	1822040407	Lê Nguyễn Anh	Thư	Nữ	05/10/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	2.69	Khá
574	1822040408	Trần Thị Phương	Trang	Nữ	09/04/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	128	2.56	Khá
575	1822030790	Nguyễn Thị Tú	Trinh	Nữ	03/09/2003	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	3.15	Khá
576	1822040689	Nguyễn Thảo	Vân	Nữ	11/09/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	128	2.75	Khá
577	1822040650	Tôn Thị Ngọc	Yến	Nữ	14/08/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	130	2.75	Khá
578	1822040916	Trần Thị Trâm	Anh	Nữ	27/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	130	3.35	Giỏi
579	1822041210	Võ Thị Vân	Anh	Nữ	18/01/2004	Nghệ An	Nghệ An	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	128	2.59	Khá
580	1822041261	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	02/11/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	130	3.36	Giỏi
581	1822041708	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	28/12/2004	Phú Yên (Đến ngày 01-07-2025)	Đắk Lắk	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	130	3.80	Xuất sắc

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh cũ	Nơi sinh mới	Dân tộc	Ngành	Lớp học	Số tín chỉ tích lũy	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp
582	1822040684	Vũ Thị Khánh	Linh	Nữ	03/04/2004	Nam Định (Đến ngày 01-07-2025)	Ninh Bình	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	128	2.61	Khá
583	1822040893	Phạm Thị Hoàng	Mai	Nữ	18/01/2004	Nam Định (Đến ngày 01-07-2025)	Ninh Bình	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	128	3.03	Khá
584	1822040955	Trần Lê Trà	My	Nữ	03/10/2004	Đồng Nai (Đến ngày 01-07-2025)	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	130	3.73	Xuất sắc
585	1822041260	Hoàng Thị	Ngân	Nữ	19/12/2004	Gia Lai	Gia Lai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	130	2.72	Khá
586	1822041490	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	Nữ	01/07/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	130	3.08	Khá
587	1822041523	Võ Thị Kim	Phụng	Nữ	30/07/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	128	3.70	Xuất sắc
588	1822041707	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	03/06/2004	Phú Yên	Đắk Lắk	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	130	3.52	Giỏi
589	1822041634	Đặng Minh	Thư	Nữ	09/03/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	128	3.57	Giỏi
590	1822040980	Trần Lê Anh	Thư	Nữ	02/05/2004	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	128	3.27	Giỏi
591	1822010101	Đặng Ngọc Phi	Yến	Nữ	03/12/2001	Đồng Nai	Đồng Nai	Kinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	130	3.51	Giỏi